

Số: 80/2021/QĐST-KDTM

N, ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLST-KDTM “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” ngày 08 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Q- XX

Trụ sở: Số 1* Lê XX, quận G, thành phố N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Địa chỉ gửi thư, tổng đạt: Tầng 6 toà nhà XX, số 3 LX, phường LX, quận B, thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp: bà Đỗ Thị T; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Q.

1.2. Bị đơn: Công ty cổ phần S;

Trụ sở: Phòng 4**, tập thể XXX, đường G, phường P, quận X, thành phố N; Mã số doanh nghiệp: 010178**** do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố N cấp ngày 12/09/2005, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/08/2012.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Giám đốc Công ty cổ phần S.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Chu Thị H**, sinh năm 1962, chứng minh nhân dân số 01194**** do Công an thành phố N cấp ngày 23.5.2011; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X ngõ B, phường N, quận B, thành phố N; Chỗ ở hiện tại: Căn hộ số ***, Tòa nhà A, chung cư P, số *** phố T, phường L, quận Đ, thành phố N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền phải thanh toán: Xác nhận tính đến ngày 23.12.2021, Công ty Cổ phần S còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại Q khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 54014.19.950.652398.TD ngày 09/12/2019 cùng các khế ước nhận nợ kèm theo là:

Nợ gốc: 4.100.663.711 đồng .

Lãi trong hạn và quá hạn: 1.449.957.582 đồng.

Tổng gốc và lãi: 5.550.621.293 đồng .

2.2. Công ty Cổ phần S phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng thương mại Q số tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 54014.19.950.652398.TD ngày 09/12/2019 cùng các khế ước nhận nợ kể từ ngày tiếp theo của ngày ký biên bản hòa giải thành cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Cổ phần S vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần S để thu hồi nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

2.4. Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty Cổ phần S vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

2.5. Về án phí: Công ty Cổ phần S phải chịu 56.775.311 đồng (năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm mười một đồng).

Hoàn trả Ngân hàng thương mại Q-XX số tiền 58.203.124 đồng (năm mươi tám triệu hai trăm linh ba nghìn một trăm hai mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0007095 ngày 08.11.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận X.

2.6. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố N).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).